

ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH PHÚ THỌ

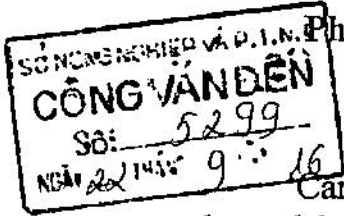
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: *H177*/KH-UBND

Phú Thọ, ngày *21* tháng 9 năm 2016

## KẾ HOẠCH

Phát triển kinh tế trang trại tỉnh Phú Thọ giai đoạn 2016 - 2020



Căn cứ Quyết định số 185/QĐ-UBND ngày 21 tháng 01 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Thọ về việc duyệt Quy hoạch phát triển nông, lâm nghiệp, thủy sản tỉnh Phú Thọ đến năm 2020, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ kết quả thực hiện phát triển kinh tế trang trại trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2011 - 2015, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch phát triển kinh tế trang trại tỉnh Phú Thọ giai đoạn 2016 - 2020, nội dung cụ thể như sau:

### Phần I

## KẾT QUẢ THỰC HIỆN PHÁT TRIỂN KINH TẾ TRANG TRẠI TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH GIAI ĐOẠN 2011 - 2015

### I. Kết quả thực hiện phát triển kinh tế trang trại giai đoạn 2011 - 2015

#### 1. Về số lượng, loại hình trang trại

Theo Thông tư số 27/2011/TT-BNNPTNT ngày 13 tháng 4 năm 2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về tiêu chí và thủ tục cấp giấy chứng nhận kinh tế trang trại, toàn tỉnh hiện có 212 trang trại hoạt động, tăng 147 trang trại so với năm 2011 (gồm 5 loại hình trang trại: 126 trang trại chăn nuôi, chiếm 59,4%; 67 trang trại tổng hợp, chiếm 31,6%; 15 trang trại thủy sản, chiếm 7,1%, 02 trang trại trồng trọt, chiếm 0,9%; 02 trang trại lâm nghiệp, chiếm 0,9%); trong đó có 107 trang trại được cấp giấy chứng nhận kinh tế trang trại theo quy định, chiếm 50,5%. Nhìn chung, số lượng trang trại trên địa bàn tỉnh tăng qua các năm, tuy nhiên số lượng còn ít so với các tỉnh trong khu vực.

#### 2. Về đất đai trang trại sử dụng

Đến hết năm 2015, tổng diện tích đất các trang trại sử dụng là 1.122,9 ha, tăng 315,2 ha so với năm 2011; tăng chủ yếu do tăng số lượng trang trại, trong đó: Đất nông nghiệp 464,9 ha, chiếm 41,4%; đất lâm nghiệp 243,7 ha, chiếm 21,70 %; đất nuôi thủy sản 366 ha, chiếm 32,6%; đất khác 48,2 ha, chiếm 4,3% chủ yếu là xây dựng cơ sở vật chất, chuồng trại chăn nuôi. Diện tích bình quân 5,3 ha/trang trại.

Đến nay, có 175/212 trang trại được cấp giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất với diện tích 812,7 ha/1.122,9 ha đất trang trại đang sử dụng, chiếm 72,4%;

diện tích chưa được cấp giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất: 310,2 ha (37 trang trại), chiếm 27,6% diện tích (đất đấu thầu và đất thuê thời hạn 5 năm, đã có hợp đồng thuê, nhận khoán).

### **3. Về lao động trang trại sử dụng và trình độ chuyên môn**

- Tổng số lao động làm việc tại các trang trại là 2.969 người, tăng 2.368 người so với năm 2011; trong đó lao động thường xuyên 1.167 người, tăng 779 người so với năm 2011 (lao động của trang trại 651 người, thuê ngoài 516 người), bình quân mỗi trang trại giải quyết việc làm cho 5,5 lao động thường xuyên; lao động mùa vụ là 1.802 người. Thu nhập bình quân của lao động làm việc tại các trang trại từ 3-5 triệu đồng/người/tháng;

- Trình độ chuyên môn của chủ trang trại và lao động: Chủ trang trại có trình độ đại học 9 người, chiếm 4,2%; trình độ trung cấp và cao đẳng 31 người, chiếm 14,6%; sơ cấp nghề 23 người chiếm 10,8%; chưa qua đào tạo 149 người, chiếm 70,3%. Số lao động làm việc thường xuyên trong trang trại được đào tạo sơ cấp nghề là 236 người, chiếm 18,6%; số lao động chưa qua đào tạo là 81,4% (theo số liệu thống kê năm 2015).

### **4. Về vốn đầu tư và kết quả sản xuất kinh doanh của trang trại**

#### **4.1. Về vốn đầu tư**

Tổng giá trị nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng và vốn sản xuất kinh doanh của các trang trại tính đến hết năm 2015 là 535.370 triệu đồng; trong đó vốn vay từ các tổ chức tín dụng trên địa bàn 78.379 triệu đồng (chiếm 15,2% tổng vốn đầu tư của các trang trại). Vốn bình quân của trang trại là 2.525 triệu đồng/trang trại; trong đó trang trại chăn nuôi là loại hình có vốn đầu tư bình quân cao nhất 3.120 triệu đồng/trang trại, trang trại trồng trọt có vốn đầu tư bình quân thấp nhất 1.700 triệu đồng/trang trại.

#### **4.2. Về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của các loại hình trang trại**

Tổng giá trị sản lượng hàng hóa của các trang trại năm 2015 đạt 486.146 triệu đồng, chiếm 4,4% tổng giá trị sản xuất ngành nông lâm thủy sản của tỉnh, gấp 4,3 lần so với năm 2011 (tốc độ tăng giá trị sản lượng hàng hóa bình quân đạt 43,9%/năm). Giá trị sản lượng hàng hóa bình quân của trang trại đạt 2.293 triệu đồng/năm, cao hơn so với bình quân chung của cả nước và các tỉnh trong khu vực, do có số lượng trang trại chăn nuôi nhiều và giá trị sản lượng hàng hóa của trang trại chăn nuôi cao. Trong đó:

- Trang trại chăn nuôi: Giá trị sản lượng hàng hóa cao nhất đạt 356.259 triệu đồng, chiếm 73,3% giá trị sản lượng hàng hóa của các trang trại, bình quân 2.851 triệu đồng/trang trại; thu nhập bình quân đạt 480,6 triệu đồng/trang trại/năm;

- Trang trại tổng hợp: Giá trị sản lượng hàng hóa đạt 92.275 triệu đồng, chiếm 19% giá trị sản lượng hàng hóa của các trang trại, bình quân 1.377 triệu đồng/trang trại; thu nhập bình quân đạt 206 triệu đồng/trang trại/năm;

- Trang trại thủy sản, giá trị sản lượng hàng hóa đạt 34.970 triệu đồng, chiếm 7,2% giá trị sản lượng hàng hóa của các trang trại, bình quân 2.331 triệu đồng/trang trại, thu nhập bình quân đạt 396 triệu đồng/trang trại/năm;

- Trang trại trồng trọt, giá trị sản lượng hàng hóa đạt 1.412 triệu đồng, chiếm 0,3%; thu nhập bình quân 102,5 triệu đồng/trang trại/năm;

- Trang trại lâm nghiệp, giá trị sản lượng hàng hóa đạt 1.230 triệu đồng, chiếm 0,3%; thu nhập bình quân đạt 92,3 triệu đồng/trang trại/năm.

*(Chi tiết có Phụ lục I, II kèm theo)*

#### **4.3. Về hoạt động liên kết trong sản xuất**

Để khuyến khích kinh tế trang trại phát triển, một số huyện đã chủ động hướng dẫn, tạo điều kiện cho các trang trại hợp tác, liên doanh với các doanh nghiệp có vốn đầu tư, ứng dụng khoa học công nghệ để phát triển chăn nuôi ổn định, bền vững. Trên địa bàn tỉnh hiện có 36 trang trại chăn nuôi liên kết với 7 doanh nghiệp theo hình thức nuôi gia công (doanh nghiệp đầu tư kỹ thuật, giống, vật tư và bao tiêu sản phẩm cho trang trại). Có 04 trang trại sản xuất lợn giống, 27 trang trại chăn nuôi lợn thịt, 05 trang trại chăn nuôi gia cầm. Giá trị sản lượng hàng hóa năm 2015 đạt 139.000 triệu đồng, chiếm 28,6% tổng giá trị sản lượng hàng hóa của trang trại trên địa bàn tỉnh. Do được các doanh nghiệp đầu tư giống, vật tư đầu vào và kỹ thuật chăn nuôi nên loại hình sản xuất này đem lại lợi nhuận ổn định cho chủ trang trại. Tuy nhiên, đòi hỏi các chủ trang trại phải có diện tích đất và chủ động đầu tư xây dựng chuồng trại theo yêu cầu, loại hình liên kết này cần vốn đầu tư lớn.

#### **5. Về ứng dụng khoa học công nghệ trong sản xuất**

Việc ứng dụng tiến bộ kỹ thuật, công nghệ mới và đưa các giống cây trồng, vật nuôi có chất lượng cao vào sản xuất nhằm nâng cao năng suất, chất lượng, giá trị sản phẩm nông sản tại các trang trại được các chủ trang trại quan tâm đầu tư, kết quả cụ thể:

- Các trang trại chăn nuôi đã đầu tư xây dựng chuồng trại đồng bộ, khép kín, sử dụng thức ăn công nghiệp, áp dụng quy trình công nghệ sản xuất tiên tiến theo hướng công nghiệp và bán công nghiệp. Đưa vào sản xuất bằng các giống lợn ngoại có từ 2 máu trở lên, giống bò laisind, Zebu... và gia cầm giống như: Gà ri lai, Lương Phượng, Kabir, Ai Cập... Đối với các trang trại chăn nuôi đã quan tâm và có biện pháp xử lý chất thải chăn nuôi bằng công nghệ biogas, thải xuống bể chứa xử lý tập trung, công nghệ đệm lót sinh học và các phụ phẩm khác được thu gom xử lý phục vụ trồng trọt và nuôi thủy sản. Tuy nhiên, do một số trang trại sản xuất với quy mô lớn, nguồn kinh phí đầu tư xây dựng hệ thống xử lý chất thải còn hạn chế nên chất thải chăn nuôi chưa được xử lý triệt để, vẫn còn tình trạng gây ô nhiễm môi trường. Bên cạnh đó, một số trang trại do phát triển tự phát, mở rộng quy mô sản xuất gần khu dân cư gây ô nhiễm môi trường, làm bức xúc trong nhân dân;

- Các trang trại thủy sản đã áp dụng phương pháp nuôi thâm canh và bán

thâm canh, một số trang trại sử dụng thức ăn công nghiệp và một phần thức ăn tự chế biến nhằm giảm chi phí đầu vào. Đưa vào sản xuất bằng các giống thủy sản đặc sản, thủy sản có giá trị kinh tế cao, phù hợp với nhu cầu thị trường (Cá chép lai V1, Diêu hồng, cá Lăng, Chiên,...);

- Một số trang trại tổng hợp bước đầu đã áp dụng công nghệ mới, tiên tiến vào sản xuất: Công nghệ tưới nhỏ giọt, tưới phun mưa; xây dựng nhà lưới, hệ thống điều chỉnh nhiệt độ, ánh sáng phục vụ sản xuất rau an toàn, hoa chất lượng cao.... Qua đó, năng suất, chất lượng nông sản hàng hóa được nâng lên;

Đến nay trên địa bàn toàn tỉnh có 01 trang trại tổng hợp được chứng nhận theo tiêu chuẩn VietGAP; 01 trang trại chăn nuôi đang làm thủ tục đề nghị chứng nhận sản xuất theo tiêu chuẩn VietGAP. Trong thời gian tới, cần tiếp tục chỉ đạo, hướng dẫn các trang trại trên địa bàn thực hiện quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt để đảm bảo sản phẩm đầu ra của trang trại được tiêu thụ ổn định và hiệu quả hơn.

## **II. Đánh giá chung**

### **1. Những kết quả đạt được**

- Trong những năm qua, kinh tế trang trại trên địa bàn tỉnh phát triển cả về số lượng và chất lượng; kinh tế trang trại đã tạo bước chuyển biến tích cực về giá trị sản lượng hàng hoá, dần đưa sản xuất nông nghiệp từ sản xuất nhỏ sang sản xuất hàng hoá tập trung và từng bước gắn với thị trường tiêu thụ; góp phần tích cực đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp, chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi; giải quyết việc làm, tăng thu nhập tạo cơ hội làm giàu cho nông dân và thực hiện có kết quả Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới;

- Các mô hình kinh tế trang trại hoạt động hiệu quả đã góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế tại các địa phương, tích tụ ruộng đất, khai thác, sử dụng có hiệu quả các tiềm năng thế mạnh về đất đai, lao động, tích lũy vốn, định hướng rõ ràng là sản xuất hàng hoá, tạo ra sự liên kết hợp tác dịch vụ sản xuất, thu hút vốn nhân rồi của nhiều cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp, chủ động tiếp cận thị trường, tiêu thụ sản phẩm. Đặc biệt, phát triển kinh tế trang trại luôn gắn liền với chương trình phát triển cây trồng, vật nuôi chủ lực của tỉnh; kinh tế trang trại luôn đi đầu trong việc áp dụng khoa học kỹ thuật, ứng dụng công nghệ mới trong sản xuất nông nghiệp, nâng cao năng suất, chất lượng, giá trị các loại nông sản hàng hoá, tăng sức cạnh tranh sản phẩm nông nghiệp trên thị trường.

### **2. Một số tồn tại, hạn chế**

- Số lượng trang trại trên địa bàn tỉnh phát triển chưa tương xứng với tiềm năng, lợi thế của địa phương;

- Trang trại phát triển còn tự phát, thiếu ổn định, chưa theo quy hoạch và định hướng phát triển của địa phương; một số trang trại chăn nuôi chưa quan tâm đến việc xử lý chất thải nên còn tình trạng gây ô nhiễm môi trường;

- Đa số các chủ trang trại còn hạn chế về năng lực quản lý, trình độ chuyên môn, tiếp cận thông tin về thị trường; khả năng đầu tư và ứng dụng khoa

học công nghệ trong sản xuất của các trang trại còn khó khăn;

- Hoạt động của nhiều trang trại thiếu các mối liên kết trong sản xuất, chế biến và tiêu thụ; việc tiêu thụ sản phẩm làm ra còn gặp nhiều khó khăn, chủ yếu phụ thuộc thị trường nên còn nhiều rủi ro, hiệu quả kinh tế thấp, lợi nhuận chưa cao;

- Việc cấp giấy chứng nhận kinh tế trang trại cho các trang trại đủ điều kiện theo quy định để quản lý chưa được quan tâm chú trọng.

### **3. Nguyên nhân**

- Công tác tuyên truyền, phổ biến chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về kinh tế trang trại còn hạn chế;

- Cấp ủy, chính quyền một số địa phương chưa quan tâm chỉ đạo phát triển kinh tế trang trại; chưa nhìn nhận đầy đủ về vai trò, hiệu quả của kinh tế trang trại trong phát triển nông nghiệp, nông thôn;

- Cơ chế, chính sách hỗ trợ cụ thể cho kinh tế trang trại phát triển còn hạn chế;

- Phần lớn các chủ trang trại thiếu vốn để đầu tư mở rộng phát triển sản xuất, việc tiếp cận vốn vay tín dụng ưu đãi đối với chủ trang trại còn nhiều khó khăn do vướng mắc thủ tục, thời gian vay vốn ngắn so với chu kỳ sản xuất;

- Ruộng đất nhỏ lẻ, manh mún; đa số các trang trại có nhu cầu phát triển, mở rộng quy mô sản xuất đều bị thiếu đất. Công tác dồn đổi, tích tụ và tập trung ruộng đất để phát triển kinh tế trang trại còn gặp khó khăn do một bộ phận người dân có tâm lý giữ đất không muốn cho thuê hoặc chuyển nhượng.

## **Phần II**

### **KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ TRANG TRẠI TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH GIAI ĐOẠN 2016 - 2020**

#### **I. Dự báo tình hình tác động đến phát triển kinh tế trang trại**

##### **1. Thuận lợi**

- Hội nhập kinh tế quốc tế tiếp tục là cơ hội cho thị trường nông sản xuất khẩu, thu hút đầu tư, tiếp thu công nghệ, kỹ năng quản lý, để nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh trong nông, lâm nghiệp, thủy sản;

- Phát triển kinh tế trang trại tiếp tục nhận được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của Trung ương, của Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh. Cùng với hệ thống luật và các văn bản hướng dẫn của Trung ương, Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành nhiều văn bản (Nghị quyết, Quyết định, hướng dẫn...) làm cơ sở để đẩy mạnh phát triển kinh tế trang trại trong thời gian tới;

- Trên địa bàn tỉnh đã và đang hình thành những vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp, các tiến bộ về khoa học kỹ thuật, công nghệ sinh học, giống cây trồng vật nuôi có năng suất, chất lượng cao được áp dụng và đưa vào sản xuất, góp phần chuyển dịch cơ cấu cây trồng vật nuôi, thúc đẩy nền nông nghiệp phát triển theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững;

- Công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn và phát triển nguồn nhân lực tiếp tục được Nhà nước quan tâm hỗ trợ chỉ đạo thực hiện, nhằm tạo ra nguồn lao động có chất lượng để phục vụ cho phát triển nông nghiệp, nông thôn và kinh tế trang trại.

## **2. Khó khăn**

Trong xu thế hội nhập, bên cạnh những yếu tố thuận lợi cũng có không ít những khó khăn, thách thức đối với ngành nông nghiệp khi phải cạnh tranh với các sản phẩm cùng loại, có chất lượng cao được nhập khẩu từ các nước trong khu vực và trên thế giới.

Nội lực kinh tế của tỉnh còn khó khăn; quy mô sản xuất nhỏ lẻ, manh mún, công tác dồn đổi, tích tụ ruộng đất còn hạn chế; chưa thu hút được nhiều doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn nên hoạt động hợp tác, liên kết sản xuất gắn với chế biến và tiêu thụ nông sản hàng hóa giữa các trang trại với các đối tác còn nhiều hạn chế.

Tình hình thời tiết do ảnh hưởng của biến đổi khí hậu, gây ra những biến động bất thường, không theo quy luật, khó dự đoán; dịch bệnh trên đàn gia súc, gia cầm diễn biến phức tạp, tiềm ẩn nguy cơ bùng phát; chất lượng, giá cây, con giống, vật tư nguyên liệu đầu vào phục vụ cho sản xuất nông nghiệp không ổn định, gây khó khăn trong việc đầu tư phát triển sản xuất của trang trại.

## **II. Mục tiêu**

### **1. Mục tiêu chung**

- Chỉ đạo phát triển kinh tế trang trại trở thành hạt nhân nòng cốt cùng với các thành phần kinh tế khác trong phát triển sản xuất nông nghiệp nông thôn theo hướng hàng hóa nhằm khai thác, sử dụng có hiệu quả tiềm năng về đất đai, vốn, áp dụng khoa học công nghệ mới vào sản xuất, gắn kết giữa sản xuất, chế biến và thị trường tiêu thụ sản phẩm; tạo việc làm, nâng cao giá trị thu nhập trên đơn vị diện tích, khuyến khích nông dân làm giàu;

- Phát triển kinh tế trang trại có sự quản lý của nhà nước, gắn phát triển kinh tế trang trại với thực hiện đồng bộ các cơ chế chính sách của Trung ương, của tỉnh nhằm huy động mọi nguồn lực và tạo động lực cho kinh tế trang trại phát triển, góp phần thực hiện có kết quả Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững và thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới;

- Tập trung duy trì và phát triển các trang trại hiện có; phát triển mới các trang trại chăn nuôi, trang trại tổng hợp, trang trại trồng trọt, trang trại thủy sản

ở những địa phương có lợi thế đảm bảo theo quy hoạch, phát triển bền vững, gắn phát triển kinh tế trang trại với bảo vệ môi trường sinh thái, bảo đảm vệ sinh an toàn thực phẩm, liên kết sản xuất, tiến tới xây dựng các nhãn hiệu sản phẩm nông sản chủ lực của trang trại đối với các nông sản phẩm có lợi thế của tỉnh.

## **2. Mục tiêu cụ thể**

- Phần đầu đến năm 2020, toàn tỉnh có 521 trang trại hoạt động đạt tiêu chí theo quy định (trong đó: 328 trang trại chăn nuôi; 117 trang trại tổng hợp; 43 trang trại trồng trọt, 28 trang trại thủy sản, 05 trang trại lâm nghiệp);

- Phần đầu đến năm 2020, tổng giá trị sản lượng hàng hoá của các trang trại đạt trên 1.200 tỷ đồng; thu nhập bình quân của trang trại đạt 450 triệu đồng/trang trại/năm;

- Thu hút trên 7.000 lao động làm việc trong các trang trại, trong đó lao động thường xuyên trên 3.000 người;

- 100% chủ trang trại được tập huấn, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn và kỹ năng quản lý đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế trang trại; trên 50% số lao động làm việc thường xuyên trong các trang trại được tham gia các lớp đào tạo nghề cho lao động nông thôn;

- Có trên 80% số trang trại tham gia thực hiện sản xuất theo quy trình an toàn (VietGAP, GlobalGAP,...) và các quy định hiện hành;

- Trên 50% giá trị sản lượng hàng hóa của các trang trại trên địa bàn tỉnh tiêu thụ thông qua hoạt động liên kết với các doanh nghiệp;

- 100% trang trại chăn nuôi đăng ký thành lập mới có báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc kế hoạch bảo vệ môi trường được phê duyệt theo quy định.

*(Chi tiết có Phụ lục III kèm theo)*

## **III. Giải pháp chủ yếu**

### **1. Công tác quản lý Nhà nước về phát triển kinh tế trang trại**

- Tăng cường sự lãnh đạo của cấp Ủy, chính quyền các cấp đối với phát triển kinh tế trang trại;

- Rà soát, xác định vùng phát triển cho từng loại hình kinh tế trang trại đảm bảo theo các quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt để phát triển;

- Tăng cường công tác quản lý đối với hoạt động sản xuất kinh doanh của trang trại bao gồm giống, vật tư, dịch vụ đầu vào phục vụ sản xuất, chất lượng sản phẩm đầu ra, xử lý chất thải chăn nuôi. Tiếp tục triển khai thực hiện Thông tư 51/2014/TT-BNNPTNT ngày 27 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về quy định điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm và phương thức quản lý đối với các cơ sở sản xuất ban đầu nhỏ lẻ;

- Chỉ đạo các địa phương tạo điều kiện thuận lợi hỗ trợ các gia trại, trang trại đang hình thành để phát triển sản xuất đảm bảo đáp ứng tiêu chí trang trại;

tăng cường hướng dẫn thủ tục đăng ký, cơ bản thực hiện cấp giấy chứng nhận kinh tế trang trại cho các trang trại đạt tiêu chí và đủ điều kiện theo quy định. Bên cạnh đó, cần xác định phát triển kinh tế trang trại phải gắn với bảo vệ môi trường, không chạy đua theo thành tích mà buông lỏng quản lý, cấp giấy chứng nhận kinh tế trang trại mà bỏ qua các điều kiện, yêu cầu quan trọng;

- Bố trí cán bộ, công chức làm nhiệm vụ theo dõi về kinh tế trang trại ở cấp huyện, xã để thực hiện công tác quản lý nhà nước về trang trại trên địa bàn và kịp thời tham mưu đề xuất tháo gỡ những khó khăn trong phát triển kinh tế trang trại tại các địa phương.

## **2. Công tác tuyên truyền**

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến về chủ trương, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước về phát triển kinh tế trang trại trên các phương tiện thông tin đại chúng như: Báo Phú Thọ, Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh, Cổng giao tiếp điện tử tỉnh... để mọi cán bộ, đảng viên và người dân thấy rõ vai trò, hiệu quả của kinh tế trang trại trong phát triển nông nghiệp, nông thôn;

- Tuyên truyền, vận động nhân dân thực hiện đồn điền, tích tụ và tập trung đất đai phát triển sản xuất nông nghiệp theo hướng trang trại, tạo các vùng sản xuất hàng hóa tập trung đáp ứng nhu cầu phát triển trang trại;

- Kịp thời khen thưởng, động viên đối với các tổ chức, cá nhân tiêu biểu trong phát triển kinh tế trang trại. Giới thiệu, chỉ đạo nhân rộng những mô hình kinh tế trang trại điển hình trong hoạt động sản xuất kinh doanh hiệu quả gắn với bảo vệ môi trường tại các địa phương.

## **3. Về đất đai và môi trường**

### **3.1. Về đất đai**

- Triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 08-NQ/TU ngày 15 tháng 4 năm 2016 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về công tác đồn điền, tích tụ và tập trung đất đai phát triển sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh đến năm 2020: Bố trí quy hoạch quỹ đất, tạo vùng sản xuất tập trung để phát triển kinh tế trang trại;

- Các chủ trang trại được tạo điều kiện thuê đất để phát triển trang trại đảm bảo theo quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Đối với trang trại thuê đất thuộc quỹ đất công ích để sản xuất kinh doanh, khi hết thời hạn theo quy định của Luật Đất đai nếu có nhu cầu tiếp tục sử dụng để phát triển sản xuất đảm bảo theo quy hoạch được ưu tiên xem xét gia hạn hợp đồng;

- Đẩy mạnh việc thực hiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các trang trại đã được giao đất theo quy định để chủ trang trại yên tâm đầu tư sản xuất.

### **3.2. Về môi trường**

- Hỗ trợ, hướng dẫn các trang trại thực hiện sản xuất xanh, sạch nhằm giảm thiểu tác động tiêu cực đối với môi trường. Áp dụng công nghệ xử lý chất



thải trong trong chăn nuôi đảm bảo vệ môi trường như: Công nghệ biogas, ủ phân compost, chế phẩm sinh học làm đệm lót sinh học. Thực hiện đúng các quy trình xử lý chất thải lỏng bằng hệ thống bể lọc có sục khí, bể lắng và ao chứa trước khi xả thải ra môi trường; xử lý chất thải rắn: Xây dựng bể ủ và ủ phân bằng men vi sinh để sử dụng làm phân bón;

- Các trang trại có dự án phát triển chăn nuôi gia súc, gia cầm phải lập báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc kế hoạch bảo vệ môi trường trình cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định;

- Tăng cường kiểm tra, giám sát việc thực hiện bảo vệ môi trường đối với các trang đang hoạt động trại trên địa bàn; xử lý và có biện pháp khắc phục kịp thời những vi phạm về môi trường trong quá trình sản xuất kinh doanh. Di dời hoặc chấm dứt hoạt động đối với các trang trại hoạt động không theo quy hoạch, gây ô nhiễm môi trường.

#### **4. Về thực hiện các cơ chế chính sách về nông nghiệp nông thôn gắn với phát triển kinh tế trang trại**

- Tiếp tục chỉ đạo triển khai cụ thể hóa các cơ chế, chính sách của nhà nước về nông nghiệp, nông thôn gắn với phát triển kinh tế trang trại và thực hiện có hiệu quả các chính sách của Nhà nước đã ban hành;

- Triển khai có kết quả Nghị định số 55/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ về chính sách tín dụng phát triển nông nghiệp, nông thôn. Các tổ chức tín dụng trên địa bàn tạo mọi điều kiện thuận lợi về thủ tục hành chính để các chủ trang trại tiếp cận các nguồn vốn vay theo quy định, đặc biệt là vốn vay ưu đãi để phát triển kinh tế trang trại;

- Tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 14/2014/NQ-HĐND ngày 15 tháng 12 năm 2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh về quy định mức hỗ trợ cho các hoạt động để phát triển sản xuất và dịch vụ nông thôn trên địa bàn xã thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới; Nghị quyết số 01/2016/NQ-HĐND ngày 19 tháng 7 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Thọ về cơ chế hỗ trợ sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2016 - 2020;

- Bên cạnh các cơ chế chính sách hỗ trợ phát triển trang trại của trung ương, các cấp chính quyền tiếp tục quan tâm, tạo điều kiện hỗ trợ phát triển kinh tế trang trại về cơ chế, chính sách như: đất đai, thuế, tín dụng, lao động, khoa học công nghệ, môi trường, thị trường...; thông qua đó, khai thác, sử dụng có hiệu quả đất đai, vốn, kỹ thuật, kinh nghiệm quản lý, góp phần phát triển nông nghiệp bền vững.

#### **5. Về phát triển nguồn nhân lực**

- Quan tâm hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn về khoa học kỹ thuật, kỹ năng quản lý sản xuất kinh doanh, kiến thức tiếp cận thị trường cho các chủ trang trại; phát triển nguồn nhân lực lao động có trình độ chuyên môn phù hợp với yêu cầu làm việc trong các trang trại;

- Đẩy mạnh và nâng cao hiệu quả công tác đào tạo nghề nông nghiệp cho

lao động nông thôn; ưu tiên cho lao động trang trại tham gia các lớp đào tạo nghề thuộc chương trình đào tạo nghề nông nghiệp cho lao động nông thôn theo Quyết định số 1956/QĐ-TTg ngày 27 tháng 11 năm 2009, Quyết định số 971/QĐ-TTg ngày 01 tháng 07 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ.

## **6. Về khoa học, công nghệ**

- Chỉ đạo các sở, ngành có liên quan, đặc biệt là Sở Khoa học và Công nghệ, phối hợp với các địa phương đẩy mạnh đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng chuyên gia tiến bộ khoa học, công nghệ trong sản xuất, bảo quản, chế biến nông sản; lựa chọn và đưa vào sử dụng các giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản mới có năng suất, chất lượng cao, ứng dụng các quy trình sản xuất tiên tiến, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ cao, đưa cơ giới hóa vào sản xuất nông nghiệp nhằm tăng năng suất, chất lượng nông sản, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm đáp ứng yêu cầu của thị trường;

- Tăng cường công tác khuyến nông, khuyến lâm; xây dựng một số mô hình kinh tế trang trại điển về ứng dụng công nghệ cao, công nghệ xanh, sản xuất theo chuỗi trong trồng trọt, chăn nuôi và thủy sản để tổng kết, đánh giá, chỉ đạo nhân rộng;

- Hướng dẫn và hỗ trợ các trang trại thực hiện quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt theo các tiêu chuẩn của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các quy định hiện hành.

## **7. Về hợp tác liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm**

- Nâng cao vai trò của ngành Công Thương trong sản xuất nông nghiệp, tăng cường các hoạt động xúc tiến thương mại, quảng bá giới thiệu sản phẩm, cung cấp thông tin, tìm kiếm, mở rộng thị trường tiêu thụ nông sản cho các trang trại;

- Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã chỉ đạo xây dựng và phát triển các mô hình trang trại điển hình, mô hình trang trại liên kết sản xuất theo chuỗi từ sản xuất đến tiêu thụ sản phẩm, nhằm kiểm soát chất lượng từ khâu giống, vật tư nguyên liệu đầu vào, sản phẩm đầu ra đảm bảo năng suất, chất lượng, an toàn vệ sinh thực phẩm làm cơ sở chỉ đạo nhân rộng; mỗi địa phương cần hình thành các chuỗi cung ứng sản phẩm trang trại an toàn vệ sinh thực phẩm trên địa bàn (có thông tin, địa chỉ trang trại cung ứng rõ ràng) tạo niềm tin cho người tiêu dùng và tăng sức cạnh tranh của sản phẩm hàng hóa của trang trại trên thị trường;

- Chỉ đạo hình thành và phát triển quan hệ hợp tác, liên kết giữa các trang trại và giữa chủ trang trại với doanh nghiệp nhằm trao đổi kinh nghiệm, trình độ quản lý, trao đổi sản phẩm, dịch vụ, giảm chi phí đầu vào để nâng cao hiệu quả kinh tế. Khuyến khích thành lập các câu lạc bộ, tổ hợp tác theo từng loại hình trang trại để liên doanh, liên kết trong sản xuất kinh doanh, tạo sức cạnh tranh và sự ổn định trong tiêu thụ sản phẩm trên thị trường, hạn chế tình trạng ép giá của các tư thương và rủi ro trong sản xuất;

- Hỗ trợ các trang trại có lượng hàng hóa lớn đăng ký nhãn hiệu trong nước và tham gia các hội trợ triển lãm nông lâm nghiệp, thủy sản trong và ngoài tỉnh.

## **8. Về huy động nguồn lực và nhu cầu kinh phí phát triển trang trại**

### **8.1. Về huy động nguồn lực**

- Huy động đa dạng các nguồn lực: Vốn đầu tư phát triển sản xuất của chủ trang trại; thực hiện lồng ghép, kết hợp các Chương trình mục tiêu quốc gia, các Chương trình phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, của các địa phương... nhằm thu hút các nguồn lực phát triển kinh tế trang trại; tạo điều kiện thuận lợi để trang trại tiếp cận vốn tín dụng, vốn vay ưu đãi phát triển kinh tế trang trại;

- Tranh thủ sự hỗ trợ của các Bộ, ngành Trung ương trong thực hiện các chính sách phát triển kinh tế trang trại. Tăng cường xúc tiến đầu tư, thu hút các nguồn lực về tài chính và hỗ trợ đầu tư cơ sở vật chất từ các nhà đầu tư, các tổ chức tài chính trong và ngoài nước, các nguồn tài chính hợp pháp khác, đặc biệt là từ nguồn lực đầu tư của các doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn.

### **8.2. Nhu cầu kinh phí phát triển kinh tế trang trại 2016 - 2020**

Dự kiến nhu cầu kinh phí phát triển kinh tế trang trại trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2016 - 2020 dự kiến là 750,1 tỷ đồng. Trong đó, vốn vay tín dụng theo Nghị định số 55/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ dự kiến khoảng 250 tỷ đồng; vốn của chủ trang trại dự kiến 473 tỷ đồng; vốn đề nghị ngân sách nhà nước hỗ trợ dự kiến: 27,1 tỷ đồng (trong đó, vốn ngân sách hỗ trợ tập trung thực hiện các nội dung: Tập huấn, bồi dưỡng nâng cao năng lực quản lý và trình độ chuyên môn cho chủ trang trại, đào tạo nghề cho lao động trang trại) và các nội dung theo Nghị quyết số 01/2016/NQ-HĐND ngày 19 tháng 7 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh về cơ chế hỗ trợ sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2016 - 2020.

*(Chi tiết có Phụ lục IV kèm theo)*

## **IV. Tổ chức thực hiện**

### **1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn**

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành của tỉnh hướng dẫn thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế trang trại giai đoạn 2016 - 2020 trên địa bàn tỉnh; tập huấn, bồi dưỡng nâng cao năng lực quản lý và trình độ chuyên môn cho các chủ trang trại theo quy định;

- Lựa chọn và đưa vào sử dụng các giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản mới có năng suất, chất lượng cao, phù hợp với điều kiện sản xuất của các địa phương và nhu cầu của thị trường;

- Hướng dẫn các trang trại áp dụng quy trình thực hành nông nghiệp tốt theo các tiêu chuẩn của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định (VietGAP, GlobalGAP,... ) và các quy định hiện hành;

- Phối hợp với các cơ quan chức năng quản lý chất lượng về giống, vật tư,

dịch vụ đầu vào phục vụ sản xuất và chất lượng sản phẩm đầu ra theo quy định, đặc biệt là vấn đề an toàn thực phẩm;

- Phối hợp với các huyện, thành phố, thị xã chỉ đạo thực hiện một số mô hình trang trại ứng dụng công nghệ cao trong chăn nuôi, trồng trọt, thủy sản;

- Phối hợp với Sở Công Thương, các huyện, thành phố, thị xã xây dựng mô hình hợp tác, liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị, gắn sản xuất với chế biến và tiêu thụ sản phẩm để tổng kết, đánh giá, chỉ đạo nhân rộng;

- Định kỳ tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch với Ủy ban nhân dân tỉnh.

## **2. Sở Kế hoạch và Đầu tư**

- Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí kinh phí, lồng ghép các nguồn vốn nhằm thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế trang trại trên địa bàn tỉnh;

- Phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan tham mưu với Ủy ban nhân dân tỉnh hàng năm cân đối lồng ghép kinh phí bố trí cho các chương trình, dự án để đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng tạo điều kiện phát triển kinh tế trang trại trên địa bàn tỉnh.

## **3. Sở Tài chính**

- Chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tham mưu với Ủy ban nhân dân tỉnh cân đối, bố trí phân ngân sách tỉnh thực hiện các cơ chế chính sách hỗ trợ phát triển trang trại;

- Hướng dẫn các địa phương bố trí ngân sách huyện để thực hiện kế hoạch; hướng dẫn sử dụng các nguồn vốn và thủ tục thanh, quyết toán theo quy định;

## **4. Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh tỉnh Phú Thọ**

Chỉ đạo các ngân hàng, tổ chức tín dụng trên địa bàn tỉnh thực hiện có hiệu quả Chương trình tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn; tạo điều kiện thuận lợi để các chủ trang trại được tiếp cận nguồn vốn vay ưu đãi và các dịch vụ ngân hàng để mở rộng sản xuất, kinh doanh theo Nghị định số 55/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ; thực hiện niêm yết công khai đối tượng được vay, đối tượng phải bảo lãnh theo quy định, hướng dẫn chi tiết, cụ thể quy trình thủ tục vay vốn.

## **5. Sở Khoa học và Công nghệ**

- Chủ trì phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các sở, ngành, địa phương đẩy mạnh triển khai ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ mới, tiên tiến, phù hợp vào sản xuất, bảo quản, chế biến các sản phẩm nông sản cho các trang trại;

- Hướng dẫn, hỗ trợ các trang trại thực hiện tốt, có hiệu quả các hoạt động về bảo hộ sở hữu trí tuệ như: Đăng ký nhãn hiệu hàng hóa cho các sản phẩm nông sản, hàng hóa; từng bước xây dựng thương hiệu chung, nâng cao giá trị và

sức cạnh tranh cho sản phẩm của các trang trại của tỉnh Phú Thọ. Triển khai thực hiện các đề tài, dự án ứng dụng chuyên giao tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất của các trang trại.

## **6. Sở Công Thương**

- Chủ trì thực hiện hoạt động xúc tiến thương mại, cung cấp thông tin, tìm kiếm, mở rộng thị trường, xây dựng chuỗi tiêu thụ cho những mặt hàng nông sản của các trang trại trên địa bàn tỉnh;

- Thực hiện chính sách hỗ trợ trang trại tham gia hội chợ triển lãm giới thiệu sản phẩm; phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xây dựng chuỗi sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm của trang trại và quản lý chặt chẽ vật tư đầu vào phục vụ sản xuất, chất lượng sản phẩm đầu ra, đảm bảo an toàn thực phẩm, nhằm đảm bảo lợi ích, quyền lợi của người sản xuất, người tiêu dùng.

## **7. Sở Tài nguyên và Môi trường**

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, địa phương có liên quan xây dựng hướng dẫn, thực hiện: Quy hoạch sử dụng đất nông nghiệp; công tác dồn đổi, tích tụ và tập trung đất đai phát triển kinh tế trang trại; hướng dẫn các địa phương triển khai thực hiện việc cho thuê đất ổn định lâu dài giữa các hộ có đất và các hộ hay doanh nghiệp có nhu cầu sử dụng đất để phát triển trang trại, nhằm tạo điều kiện cho chủ trang trại yên tâm đầu tư phát triển sản xuất;

- Hướng dẫn các trang trại có dự án phát triển chăn nuôi đánh giá tác động môi trường hoặc kế hoạch bảo vệ môi trường và áp dụng công nghệ xử lý chất thải trong chăn nuôi đảm bảo theo các quy định của pháp luật về môi trường;

- Phối hợp với Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã kiểm tra, giám sát, xử lý vi phạm về môi trường;

- Tham mưu, đề xuất với Ủy ban nhân dân tỉnh các biện pháp quản lý và bảo vệ môi trường của các trang trại trên địa bàn tỉnh.

## **8. Sở Thông tin và Truyền thông, Báo Phú Thọ, Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh**

- Phối hợp với các sở, ngành, địa phương tăng cường tin, bài, chuyên mục để tuyên truyền, phổ biến chủ trương, chính sách pháp luật của Đảng và Nhà nước về nông nghiệp, nông dân, nông thôn và phát triển kinh tế trang trại;

- Thường xuyên tuyên truyền, giới thiệu những mô hình kinh tế trang trại tiêu biểu trong trong hoạt động sản xuất kinh doanh hiệu quả gắn với bảo vệ môi trường.

## **9. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã**

- Xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện phát triển kinh tế trang trại trên địa bàn, giai đoạn 2016-2020 phù hợp với các quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; chỉ đạo đẩy mạnh việc cấp giấy chứng nhận kinh tế trang trại đối với các trang trại đảm bảo theo quy định;

- Chỉ đạo thực hiện dồn đổi, tích tụ và tập trung đất đai, tạo các vùng sản

xuất hàng hóa tập trung đáp ứng nhu cầu phát triển trang trại tại địa phương;

- Chỉ đạo, hướng dẫn các trang trại ký cam kết sản xuất thực phẩm an toàn theo Thông tư 51/2014/TT-BNNPTNT ngày 27 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; xây dựng một số mô hình trang trại ứng dụng công nghệ cao trong chăn nuôi, trồng trọt, thủy sản; mô hình hợp tác, liên kết sản xuất theo chuỗi, gắn sản xuất với chế biến và tiêu thụ sản phẩm để tổng kết, đánh giá, nhân rộng trên địa bàn;

- Tăng cường công tác chỉ đạo kiểm tra, giám sát việc thực hiện bảo vệ môi trường đối với các trang trại trên địa bàn; xử lý và có biện pháp khắc phục kịp thời những vi phạm về môi trường trong quá trình sản xuất kinh doanh. Dì dòi hoặc chấm dứt hoạt động đối với các trang trại hoạt động không theo quy hoạch, gây ô nhiễm môi trường;

- Chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp xã tăng cường công tác kiểm tra, giám sát tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của các trang trại, kịp thời báo những vi phạm về môi trường của các trang trại trên địa bàn để có biện pháp xử lý;

- Định kỳ sơ kết, tổng kết, đánh giá việc thực hiện kế hoạch, báo cáo kết quả thực hiện, những khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện; đề xuất những giải pháp tháo gỡ khắc phục về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, chỉ đạo.

Trên đây là Kế hoạch phát triển kinh tế trang trại tỉnh Phú Thọ giai đoạn 2016 - 2020. Yêu cầu Giám đốc các sở, Thủ trưởng các ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã nghiêm túc triển khai thực hiện. /p

**Nơi nhận:**

- Các Bộ: Y tế; Nông nghiệp và PTNT;
- TTTU, TTHĐND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể của tỉnh;
- UBND các huyện, thành, thị;
- CVP, các PCVP;
- Chuyên viên NCTH;
- Lưu: VT, KT5<sub>(02b)(V-90)</sub>.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Thanh Hải**

(Kèm theo Kế hoạch số **H117/KH-TĐND** ngày **02** tháng 9 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Thọ)



**PHỤ LỤC I**  
**TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN KINH TẾ TRANG TRẠI GIAI ĐOẠN 2011-2015**

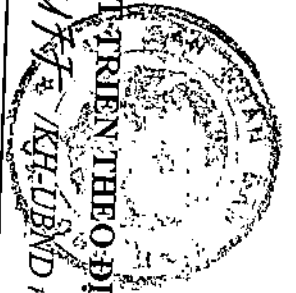
STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015	So sánh (%)					Tốc độ tăng trưởng bình quân giai đoạn 2011-2015 (%)
								2012/2011	2013/2012	2014/2013	2015/2014		
I	Tổng số trang trại	Trang trại	65	112	147	166	212	172,31	131,25	112,93	127,71	134,39	
1	Tổng hợp	Trang trại	6	6	65	66	67	100,00	1083,33	101,54	101,52	182,80	
2	Chăn nuôi	Trang trại	43	86	63	81	126	200,00	73,26	128,57	155,56	130,84	
3	Thủy sản	Trang trại	11	14	15	15	15	127,27	107,14	100,00	100,00	108,06	
4	Trồng trọt	Trang trại	3	4	2	2	2	133,33	50,00	100,00	100,00	90,36	
5	Lâm nghiệp	Trang trại	2	2	2	2	2	100,00	100,00	100,00	100,00	100,00	
II	Đất đai trang trại đang sử dụng	Ha	807,7	977,7	946,5	979,4	1.122,9	121,05	96,81	103,48	114,65	108,59	
III	Tổng số lao động của trang trại	Lao động	601	1.323	2.187	2.289	2.969	220,13	165,31	104,66	129,71	149,08	
1	Lao động thường xuyên của trang trại		388	530	1.035	1.127	1.167	136,60	195,28	108,89	103,55	131,69	
	Trong đó:												
	Lao động của hộ chủ trang trại	Lao động	175	295	490	582	651	168,57	166,10	118,78	111,86	138,88	
	Lao động thuê ngoài thường xuyên	Lao động	213	235	545	545	516	110,33	231,91	100,00	94,68	124,76	
2	Lao động thời vụ	Lao động	213	793	1.152	1.162	1802	372,30	145,27	100,87	155,08	170,55	
IV	Tổng vốn đầu tư	Triệu đồng	87.425	190.412	402.499	461.532	535.370	217,80	211,38	114,67	116,00	157,31	
	Trong đó:												
	Vốn vay tín dụng	Triệu đồng	7.932	15.154	16.315	18.594	20.384	191,05	107,66	113,97	109,63	126,61	
V	Giá trị sản lượng hàng hóa		115.538	215.079	268.350	326.085	486.146	186,15	124,77	121,51	149,09	143,22	
1	Tổng hợp	Triệu đồng	6.800	7.585	84.993	92.171	92.275,0	111,54	1120,54	108,45	100,11	191,93	

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015	So sánh (%)				Tốc độ tăng trưởng bình quân giai đoạn 2011-2015 (%)
								2012/2011	2013/2012	2014/2013	2015/2014	
2	Chăn nuôi	Triệu đồng	90.238	184.000	150.405	201.120	356.259	203,91	81,74	133,72	177,14	140,96
3	Thủy sản	Triệu đồng	14.800	18.957	29.654	29.858	34.970	128,09	156,43	100,69	117,12	123,98
4	Trồng trọt	Triệu đồng	2.200	2.971	1.752	1.412	1.412	135,05	58,97	80,59	100,00	89,51
5	Lâm nghiệp	Triệu đồng	1.500	1.566	1.546	1.524	1.230	104,40	98,72	98,58	80,71	95,16
<b>VI</b>	<b>Giá trị sản lượng hàng hóa bình quân</b>	<b>Triệu đồng/TT</b>	<b>1.778</b>	<b>1.920</b>	<b>1.826</b>	<b>1.964</b>	<b>2.293</b>	<b>1,08</b>	<b>0,95</b>	<b>1,08</b>	<b>1,17</b>	<b>1,07</b>
1	Tổng hợp	Triệu đồng	1.133	1.264	1.308	1.397	1.377	1,12	1,03	1,07	0,99	1,05
2	Chăn nuôi	Triệu đồng	2.099	2.140	2.387	2.483	2.827	1,02	1,12	1,04	1,14	1,08
3	Thủy sản	Triệu đồng	1.345	1.354	1.977	1.991	2.331	1,01	1,46	1,01	1,17	1,15
4	Trồng trọt	Triệu đồng	733	743	876	706	706	1,01	1,18	0,81	1,00	0,99
5	Lâm nghiệp	Triệu đồng	750	783	773	762	615	1,04	0,99	0,99	0,81	0,95



SỐ LƯỢNG TRANG TRẠI PHÁT TRIỂN THEO ĐỊA BÀN HUYỆN, THÀNH, THỊ TÍNH ĐẾN 31 THÁNG 12 NĂM 2015

Phụ lục II



(Kèm theo Kế hoạch số 447/KH-UBND ngày 21 tháng 9 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Thọ)

Số TT	Huyện, thành, thị	Tổng số trang trại	Loại hình trang trại (Trang trại)					Tổng giá trị sản lượng hàng hóa (triệu đồng)	Kết quả cấp Giấy chứng nhận KTTT (Trang trại)
			Trang trại trồng trọt	Trang trại chăn nuôi	Trang trại lâm nghiệp	Trang trại thủy sản	Trang trại tổng hợp		
1	Thành phố Việt Trì	9		4				5	9
2	Huyện Lâm Thao	41		36				5	3
3	Huyện Phú Ninh	28		27				1	11
4	Thị xã Phú Thọ	18		9			6	3	5
5	Huyện Thanh Ba	12		9			1	2	2
6	Huyện Đoan Hùng	11		10		1			3
7	Huyện Hạ Hòa	17		5			1	11	17
8	Huyện Cẩm Khê	7		3				4	7
9	Huyện Yên Lập	8		7				1	7
10	Huyện Thanh Sơn	24	2	9	1			12	0
11	Huyện Tân Sơn	2		2					24
12	Huyện Thanh Thủy	8		5				3	1
13	Huyện Tam Nông	27					7	20	8
	<b>Tổng số</b>	<b>212</b>	<b>2</b>	<b>126</b>	<b>2</b>	<b>15</b>	<b>67</b>	<b>486.146</b>	<b>107</b>





**Phụ lục III**  
**KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ TRANG TRẠI GIAI ĐOẠN 2016-2020**

(Kèm theo Kế hoạch số **H177/KH-UBND** ngày **02** tháng 9 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Thọ)

STT	Huyện, thành, thị	Đơn vị tính	Tổng số trang trại đến năm 2015	Số trang trại thành lập mới giai đoạn 2016-2020						Tổng số trang trại đến năm 2020	Ghi chú (Địa điểm dự kiến thành lập mới)	
				Tổng số trang trại	Chia theo loại hình trang trại							
					Tổng hợp	Chăn nuôi	Thủy sản	Lâm nghiệp	Trồng trọt			
1	Thành phố Việt Trì	Trang trại	9	10	5				3	2	19	Xã Chu Hóa, Trưng Vương, Bạch Hạc, Sông Lô, Tân Đức, Thủy Văn, Kim Đức, Phương Lâu.
2	Huyện Lâm Thao	Trang trại	41	10	3	4				3	51	Xã Cao Xá, Tế Xá, Xuân Lũng, Tiên Kiên, Kinh Khê
3	Huyện Phú Ninh	Trang trại	28	30		28				2	58	Thị trấn Phong Châu, xã Gia Thanh, Bảo Thanh, Phú Lộc, Phú Nham, Tiên Phú, Trại Thán, Liên Hoa, Vĩnh Phú, An Đạo, Bình Bá, Phú Ninh, Trí Quận, Phú Mỹ, Lê Mỹ, Hà Giáp, Trưng Giáp.
4	Thị xã Phú Thọ	Trang trại	18	7	2	5					25	Xã Hà Thạch, Hà Lộc, Phú Hộ.
5	Huyện Thanh Ba	Trang trại	12	28	5	20				3	40	Xã Sơn Cương, Yên Khê, Đỗ Sơn, Văn Lĩnh, Khai Xuân, Quảng Nạp, Đại An, Chí Tiên, Đông Xuân, Lương Lỗ
6	Huyện Đoan Hùng	Trang trại	11	27	3	19				5	38	Xã Vũ Quang, Minh Phú, Văn Đôn, Hùng Long, Văn Du, Hùng Quan, Đông Khê, Nghĩa Xuyên, Ca Đình, Phúc Lại, Bằng Đoàn, Minh Lương, Bằng Lữ, Quế Lâm, Phương Trung, Minh Phú, Tiên Sơn, Đại Nghĩa, Phú Thứ
7	Huyện Hạ Hòa	Trang trại	17	27	3	19				5	44	Xã Xuân Ấng, Chính Công, Đại Phạm, Quan Khê, Lâm Lợi, Vũ Cầu, Yên Kỳ, Hương Xã, Hà Lương, Văn Lương
8	Huyện Cẩm Khê	Trang trại	7	23	5	16				1	30	Xã Phương Vỹ, Tam Sơn, Phương Xá, Sài Nga, Phú Khê, Phú Lộc, Văn Khúc, Đông Lương, Cấp dãn, Tạ Xá
9	Huyện Yên Lập	Trang trại	8	34	5	20				3	42	Xã Xuân Viên, Minh Hòa, Thượng Long, Nga Hoàng, Đông Thịnh, Phúc Khánh, Ngọc Lập, Ngọc Đông, Đông Lạc, Trưng Sơn, TT Yên Lập.
10	Huyện Thanh Sơn	Trang trại	24	29	4	18				7	53	Cự Đông, Cự Thắng, Đông Cứu, Dịch Quả, Hương Cản, Khả Cản, Tái Thắng, Thạch Khoán, Thực Luyến, Thượng Cứu, Tân Lập, Tân Minh, Võ Miếu và Yên Sơn.

STT	Huyện, thành, thị	Đơn vị tính	Tổng số trang trại đến năm 2015	Số trang trại thành lập mới giai đoạn 2016-2020					Tổng số trang trại đến năm 2020	Ghi chú (Địa điểm dự kiến thành lập mới)
				Tổng số trang trại	Chia theo loại hình trang trại					
				Tổng hợp	Chăn nuôi	Thủy sản	Lâm nghiệp	Trồng trọt		
11	Huyện Tân Sơn	Trang trại	2	20	15			5	22	Thu Cúc, Thạch Kiệt, Kiệt Sơn, Đồng Sơn, Lai Đông, Tân Sơn, Xuân Đài, Minh Đài, Văn Lương, Long Cốc, Kim Thượng và Tam Thanh.
12	Huyện Thanh Thủy	Trang trại	8	35	20	3		2	43	Đào Xá, Xuân Lộc, Đồng Luận, Trung Nghĩa, Phương Mao, Yên Mao, Thạch Đông, Tân phương, Sơn Thủy, Hoàng Xá, Trung Thịnh, Tu Vũ.
13	Huyện Tam Nông	Trang trại	27	29	18	4		2	56	Xã Tứ Mỹ, Thọ Văn, Cổ Tiết, Hương Nộn, Hùng Đô, Lê Lễ, Thượng Nông, Dị Nậu, Tam Cường
	<b>Tổng số:</b>		<b>212</b>	<b>309</b>	<b>202</b>	<b>13</b>	<b>3</b>	<b>41</b>	<b>521</b>	

**TỔNG HỢP NHU CẦU KINH PHÍ HỖ TRỢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ TRANG TRẠI GIAI ĐOẠN 2016 - 2020**

(Kèm theo Kế hoạch số 1177/KH/UBND ngày 09 tháng 9 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Thọ)



Phụ lục IV

Đơn vị tính: Triệu đồng

ST T	Nội dung hỗ trợ phát triển	ĐVT	Năm 2016		Năm 2017		Năm 2018		Năm 2019		Năm 2020		Giai đoạn 2016 - 2020		Ghi chú
			Số lượng	Kinh phí	Số lượng	Kinh phí	Số lượng	Kinh phí	Số lượng	Kinh phí	Số lượng	Kinh phí	Số lượng	Kinh phí	
1	Tập huấn, bồi dưỡng năng cao năng lực chủ trang trại (mức hỗ trợ bình quân: 1 triệu đồng/người).	Người	0	0	120	120	120	120	130	130	130	130	500	500	Theo Nghị định số 02/2010/NĐ-CP ngày 08/01/2010 của Chính phủ về khuyến nông.
2	Đào tạo nghề cho lao động trang trại (mức hỗ trợ bình quân: 2,5 triệu đồng/người)	Người	0	0	370	925	370	925	380	950	380	950	1.500	3.750	Theo QĐ số 1956/QĐ-TTg ngày 27/11/2009 và Quyết định số 971/QĐ-TTg ngày 01/7/2015 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi QĐ 1956 về đào tạo nghề cho lao động nông thôn
3	Hỗ trợ giống thủy sản (70 trang trại). Mức hỗ trợ: 5 triệu đồng/ha.	ha	0	0	70	350	70	350	70	350	70	350	280	1.400	
4	Hỗ trợ trồng chè (16 trang trại). Mức hỗ trợ: 8 triệu đồng/ha.	ha	0	0	6	48	10	80	14	112	15	120	45	360	
5	Hỗ trợ trồng mới bưởi Diễn (63 trang trại). Mức hỗ trợ: 8 triệu đồng/ha.	ha	0	0	30	240	40	320	40	320	40	320	150	1.200	Theo Nghị quyết số 01/2016/NQ-HĐND ngày 19/7/2016 của HĐND tỉnh Phú Thọ về cơ chế hỗ trợ sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2016-2020
6	Hỗ trợ công trình xử lý chất thải chăn nuôi (328 trang trại chăn nuôi và 117 trang trại tổng hợp, thủy sản có chăn nuôi). Mức hỗ trợ: 40 triệu đồng/trang trại.	Trang trại	0	0	90	3.600	110	4.400	120	4.800	125	5.000	445	17.800	

ST T	Nội dung hỗ trợ phát triển	ĐVT	Năm 2016		Năm 2017		Năm 2018		Năm 2019		Năm 2020		Giai đoạn 2016 - 2020		Ghi chú
			Số lượng	Kinh phí	Số lượng	Kinh phí	Số lượng	Kinh phí	Số lượng	Kinh phí	Số lượng	Kinh phí	Số lượng	Kinh phí	
7	Hỗ trợ phát triển lâm nghiệp. Mức hỗ trợ: 2,5 triệu đồng/ha.	ha	0	0	50	125	60	150	70	175	80	200	260	650	Theo Nghị quyết số 01/2016/NQ-HĐND ngày 19/7/2016 của HĐND tỉnh Phú Thọ về cơ chế hỗ trợ sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2016-2020
8	Hỗ trợ tiền thuê đất phát triển trang trại. (mức hỗ trợ DK: 3 triệu đồng/ha)	ha	0	0	110	330	120	360	120	360	130	390	480	1.440	
	<b>Tổng cộng:</b>		<b>0</b>	<b>0</b>		<b>5.738</b>		<b>6.705</b>		<b>7.197</b>		<b>7.460</b>		<b>27.100</b>	